TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 247/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 8 - 2022
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Văn Hùng.
2. Ông Trương Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Mộng T, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tú H, sinh năm: 1993.
Địa chỉ: Ấp M, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(Chị T xin vắng mặt; Anh H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 01 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T trình bày: Chị Huỳnh Thị Mộng T và anh Nguyễn Tú H chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 15 tháng 01 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo C, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2013. Khi ly hôn, chị T xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Tú H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh H không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của anh H về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn anh Nguyễn Tú H có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã Mỹ Hạnh N ngày 21 tháng 01 năm 2022) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mộng T xin vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Tú H vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mộng T và anh Nguyễn Tú H chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 15 tháng 01 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh H được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T và anh H chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Nay chị T xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không con đạt được nên tha thiết xin được ly hôn với ánh H. Ngược lại, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo C, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2013. Khi ly hôn, chị T xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cháu C đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử

chấp nhận. Ngược lại, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mộng T xin ly hôn với anh Nguyễn Tú H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Tú H.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Mộng T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên con chung tên Nguyễn Huỳnh Bảo C, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2013 hiện chị T đang nuôi. Anh Nguyễn Tú H không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu C mà không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H theo quy định của pháp luật. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của anh H.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì anh H, chị T, người thân thích của các cháu C, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai, chị T và anh H chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Mộng T phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 9600 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, chị T và anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp